TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/DS-ST.
Ngày: 09/7/2020.
V/v: "Tranh chấp chia di sản thừa kế ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1. *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Bùi Văn Tuấn

2. *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Khắc Hưng; Ông Trịnh Văn Dũng.

3. *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Lệ Thủy - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyệnV - tỉnh Thanh Hoá.

4. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyệnV, tỉnh Thanh Hóa*: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyệnV, tỉnh Thanh Hoá, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 56/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về : " Tranh chấp chia di sản thừa kế", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST- DS ngày 21/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-DS ngày 10/6/2020, đối với các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn V - Sinh năm: 1972;
Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện V - Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*:
- Ông Lê Viết K - Sinh ngày 02 tháng 9 năm: 1960
Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện V - Thanh Hóa.
- Ông Lê Viết X - Sinh năm: 1965;
Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện V - Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : Bà Lê Thị T- Sinh ngày 10tháng 02 năm 1960.
Địa chỉ: thôn B, xã E, huyện KA, tỉnh Đ L.
Bà Lê Thị T ủy quyền cho ông Lê Viết K, bảo vệ quyền lợi cho bà T trong quá trình giải quyết vụ án (Văn bản ủy quyền ngày 31/12/2019 và đơn đề nghị ngày 04/6/2020).

4.Người làm chứng:
- Ông Lữ Trọng H
Địa chỉ: ThônP, xãL, huyệnV - Thanh Hóa.
- Bà Phạm Thị H
Địa chỉ: ThônP, xãL, huyệnV - Thanh Hóa.
- Bà Lê Thị Th
Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V - Thanh Hóa.
Nơi công tác: Ủy ban nhân dân, xã L, huyện V - Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt ông Lê Văn V, ông Lê Viết K và ông Lê Viết X, vắng mặt người làm chứng là ông Lữ Trọng H, bà Lê Thị Th và bà Phạm Thị H.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn ông Lê Văn V trình bày: Bố mẹ ông V là cụ Lê Văn M và cụ Lê Thị N sinh được bốn người

con là: Ông Lê Văn V, ông Lê Viết K, Lê Viết X và bà Lê Thị T. Khi còn sống cụ M, cụ N tạo lập được một thửa đất với diện tích 1427m^2 từ trước năm 1980, năm 2003 được Nhà nước cấp GCNQSDĐ đứng tên chủ hộ là bà Lê Thị N, tại thônP, xãL, huyệnV, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 28/3/1990 cụ Lê Văn M chết, không để lại di chúc. Ngày 31tháng 10 năm 2013 cụN đã viết di chúc với nội dung cho ông Lê Văn V toàn bộ diện tích đất là 1427m^2 mà cụ M, cụ N tạo dựng được và toàn bộ nhà ở, công trình phụ cây lấy gỗ, cây ăn quả lâu năm. Đến ngày 04/8/2018 cụN chết. Để đảm bảo quyền lợi của mình, ông Lê Văn V đã làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên cụ Lê ThịN sang tên là Lê Văn V. Ông V đã làm thủ tục sang tên nhưng không được ông Lê Viết K, ông Lê Viết X đồng ý. Nay ông Lê Văn V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được chia di sản của bố để lại là 1/2 diện tích đất tại thửa 362, tờ bản đồ số 9 và quyền được thừa kế toàn bộ 1/2 diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụN thừa kế cho ông Lê Văn V.

Tại bản tự khai, bị đơn là ông Lê Viết K và ông Lê Viết X, trình bày: Khi còn sống cụ M, cụ N tạo lập được một thửa đất tại thônP xãL như ông V trình bày. Ngày 28/3/1990 cụ M mất, khi cụ M mất không để lại di chúc. Ngày 04/8/2018 cụN mất. Ngày 02/8/2019 ông K, ông X mới biết trước khi chết cụ N đã viết di chúc cho ông V toàn bộ nhà ở, công trình phụ, cây lấy gỗ, cây ăn quả lâu năm của bố, mẹ các ông để lại. Nay ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản của cụ M để lại là 1/2 diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ M và công nhận ông V được cụN cho toàn bộ tài sản của cụN là 1/2 diện tích đất của thửa đất 362, tờ bản đồ số 9 tại thônP, xãL các ông cũng đồng ý.

Theo lời khai của người làm chứng trong di chúc của cụ Lê Thị N là ông Lữ Trọng H và bà Lê Thị Th trình bày: Do cụ N không biết chữ nên ngày 31/10/2013 cụN đã nhờ bà Phạm Thị H viết hộ di chúc cho cụ N, khi bà H viết di chúc thể hiện ý chí của cụN có sự có mặt của ông Lữ Trọng H(Ông H lúc đó là trưởng thônP) chứng kiến sự việc. Tại thời điểm cụN nhờ bà Huyền viết di chúc, cụ N còn khỏe mạnh, tinh thần sáng suốt, M mẫn. Sau khi bà H viết hộ di chúc cho cụ N xong; Cụ N, ông H, bà H đã đến Ủy ban nhân dân xãL, huyệnV để xác nhận vào bản di chúc. Tại phòng tư pháp UBND xãL, bà Lê Thị Th (Cán bộ tư pháp xã) đã hỏi lại ý kiến cụN về việc cụ cho ông Lê Văn V nhà và đất đai; Cụ N đã trình bày, cụ cho ông V nhà, đất đai là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hoặc đe dọa. Sau khi thẩm định di chúc và hỏi đã trình ký và đóng dấu vào bản di chúc.

Theo biên bản hòa giải, các ông K, X, V đều thống nhất về thời điểm cụ M chết là ngày 28/3/1990, đồng thời thống nhất cụ M chết đã để lại khối di sản là 1/2 thửa đất số 362, tờ bản đồ số 9, số đất này sẽ chia cho 04 người con là ông K, ông X bàT và ông V. 1/2 thửa đất 362, tờ bản đồ số 9 còn lại thuộc quyền sử dụng của cụN, cụN đã thừa kế cho ông V, do đó ông V được toàn quyền quản lý sử dụng. Đối với quyền hưởng thừa kế của bà Lê Thị T,(theo giấy ủy quyền ngày 31/12/2019 và đơn đề nghị ngày 04/6/2020), bàT ủy quyền cho ông Lê viết K tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nhường toàn bộ quyền lợi về thừa kế của bàT cho ông K.

Trong quá trình giải quyết vụ án các ông K, ông V, ông X không thống nhất được giá trị thửa đất cũng như cách phân chia danh giới đất. Ông V đã làm đơn yêu cầu tòa án xác M, thẩm định và định giá thửa đất số 362 và nhà do ông V xây dựng năm 2015 trên thửa đất 362. Ngày 06/5/2020, Hội đồng định giá tiến hành định giá thửa đất 362 và các tài sản do ông V xây dựng trên đất. Tại buổi định giá ông V, ông K yêu cầu định giá thêm các tài sản trên thửa đất 362 gồm:

Yêu cầu định giá bổ sung của ông V gồm: Tường rào bao quanh nhà ông V; Chuồng trại; Nhà bếp; Sân bê tông phía cổng; Sân bê tông trước nhà bàN và ngôi nhà cấp 4, có 02 gian, do cụN xây dựng năm 1997;

Yêu cầu định giá bổ sung của ông K:Tường rào xây ngăn cách phần đất nhà ông K và đất nhà cụN.

Hội đồng định giá tài sản đã định giá như sau:

- thửa đất số số 362, tờ bản đồ số bản đồ địa chính xãL, huyệnV tại thônP xãL xác định có diện tích là 1427 m^2) trị giá là:

- Đất ở 200 m^2 x đơn giá 300.000.000đ /1 m^2 = 60.000.000đ;

- Đất trồng cây lâu năm là: 1227 m^2 x đơn giá 139.000.000đ/1m^2 = 170.553.000đ.

Tổng giá trị thửa đất là: 230.553.000đ (Hai trăm ba mươi triệu, năm trăm năm ba nghìn đồng).

- 01 nhà cấp 4, mái lợp tôn, móng bê tông cốt thép có diện tích xây dựng 100$m^{2,}$ có bán bình phía trước và sau nhà, (Nhà do ông V xây dựng năm 2015), trị giá 168.151.000đ .

Các tài sản phát sinh do ông V xây dựng trị giá là:

- Tường rào bao quanh nhà ông V trị giá 3.684.000đ;

+Chuồng trại trị giá 12.170.000đ;

+ Nhà bếp trị giá 8.525.000đ;

+ Sân bê tông phía cổng trị giá 3.348.000đ;

+ Sân bê tông trước nhà bàN trị giá 2.790.000đ;

Sau khi trừ khấu hao các tài sản trên còn giá trị là 5.366.000đ.

- Nhà cụN xây năm 1997 qua khấu hao: không còn gía trị.

Tài sản phát sinh ông K yêu cầu định giá (Do ông K xây dựng).

Tường rào xây ngăn cách phần đất nhà ông K và đất nhà cụN trị giá 4.566.000đ.

Tại phiên tòa ông lê Văn V yêu cầu:

- Năm 2013 mẹ ông V là cụ Lê Thị N đã viết di chúc cho ông toàn bộ thửa đất 362, tờ bản đồ số 9 là chưa đúng, vì cụ N chỉ quyền sử dụng có ½ diện tích thửa đất, nay ông V đề nghị Tòa án chia cho ông V ½ diện tích thửa đất và phân chia cụ thể ranh giới đất.

- Phần di sản của cụ Lê Văn M để lại chia cho ông V ¼ diện tích.

Tại phiên tòa ông V, ông K, ông X thống nhất:

Thửa đất 362, tờ bản đồ số 9 với diện tích đất là 1427m^2 được chia thành hai phần (Một phần giao cho ông V với diện tích 715 m^2 , phần đất này giáp với phía khe nước; Phần còn lại có diện tích 712m^2 , phần đất này giáp phần đất gia đình ông K, được chia đều cho 4 người con, mỗi người quản lý sử dụng diện tích178m^2 .

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 96, 97,98, 101 và Điều 104 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71,72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Cho ông V được quyền thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất phần của cụN để lại là ½ diện tích thửa đất 362 và các tài sản trên đất.

- Đối với ½ diên tích đất do cụ M để lại, không có di chúc, xác định ông M có vợ là bà Lê Thị N chết năm 2018, không có con riêng, có 4 người con chung là ông K, bàT, ông X và ông V, là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên được hưởng quyền thừa kế ngang nhau. Vì vậy di sản thừa kế sẽ là ½ diện tích đất thửa 362, tờ bản đồ số 9, theo thỏa thuận của ông V, ông X, ông K, diện tích là 712m^2 được chia cho 4 người con.

+ Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản mà họ được chia theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê văn V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền được hưởng di sản thừa kế của mẹ là cụ Lê Thị N cho ông V theo di chúc và chia di sản của bố là cụ lê Văn M để lại sau khi mất là ½ thửa đất 362 tại thônP, huyệnV. Diện thừa kế di sản của cụ M gồm các ông Lê Viết K, ông Lê Viết X, bà Lê Thị T và ông Lê Văn V, thửa đất địa chỉ tại huyệnV và các ông Lê Viết K, Lê Viết X đang cư trú tại huyệnV, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyệnV, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 5 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi khởi kiện: Theo giấy chứng tử của UBND xãL cấp, cụ Lê Văn M mất ngày 28/3/1990; Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b mục 10 Nghị Quyết 01/1990/HĐTP ngày19/10/1990 thời hiệu khởi kiện tranh chấp thừa kế là 30 năm tính từ ngày 10/9/1990, nên việc các đương sự yêu cầu chia thừa kế là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Xét về nguồn gốc đất: Vợ chồng cụ Lê Văn M và cụ Lê Thị N tạo dựng được một thửa đất tại thônP xãL với diện tích 1427m^2, diện tích đất trên không có tranh chấp, đã được cấp GCNQSDĐ, như vậy đây là diện tích đất hợp pháp thuộc quyền sử dụng của cụ M và cụN.

[4] Về di sản thừa kế: Ngày 28/3/1990 cụ M chết không để lại di chúc, di sản của cụ M để lại là ½ thửa đất 362,Tại thời điểm mở thừa kế (Ngày cụ M mất), số đất này được chia thừa kế theo pháp luật là 5 phần gồm: Cụ N và 4 người con. Khi còn sống, ngày 31tháng 10 năm 2013 cụN đã nhờ người viết di chúc, di chúc có 02 người làm chứng và đã được chính quyền địa phương chứng nhận. Như vậy về hình thức di chúc là đúng quy định của pháp luật. Nội dung di chúc là cho ông Lê Văn V toàn bộ thửa đất số 362 mà cụ M, cụN tạo dựng và toàn bộ nhà ở, công trình phụ, cây lấy gỗ, cây ăn quả lâu năm khi chưa có ý kiến của các con(Ông K, ông X đều thừa nhận là không được cụN hỏi ý kiến) là không đúng với quy định của pháp luật, bởi lẽ cụN chỉ có quyền sử dụng đối với ½ diện tích thửa đất số 362 và một phần diện tích đất trong khối di sản là đất đai do cụ M để lại. Như vậy di chúc cụN lập ngày 31/10/2013 chỉ có hiệu lực một phần và bị vô hiệu một phần. Đến nay các con của cụ M, cụN là ông K, ông X và ông V thống nhất không yêu

cầu chỉnh sửa GCNQSĐ số:1060/QSDĐ/423/QĐ- CT ngày 12/5/2003 của chủ tịch UBND huyệnV, mà thống nhất, thỏa thuận giao cho ông V diện tích đất là 715 m^2 của thửa đất số 362 theo di chúc của cụN; Số diện tích đất còn lại là 712 m^2 là di sản của cụ Lê Văn M để lại được chia đều cho bốn người con. Đây là sự thống nhất, thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu chia di sản của ông Lê Văn V, ông Lê Viết K, ông Lê Viết X và bà Lê ThịT thấy: Do xác định di sản cụ M để lại sau khi mất là ½ thửa đất số 362, tài sản này chưa chia cho ai. Nay cụN đã chết; Ông Lê Văn V, ông Lê Viết K, ông Lê Viết X thống nhất chia di sản này cho bốn người con của cụ M là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Từ sự thống nhất thỏa thuận của ông Lê Văn V, ông Lê Viết K, ông Lê Viết X. Di sản của cụ M để lại được phân chia như sau:

Chia cho ông Lê Viết K, ông Lê Viết X, bà Lê ThịT và ông Lê Văn V mỗi người 178m^2 đất (trong đó 25m^2 đất ở và 153m^2 đất trồng cây lâu năm), trị giá trị giá đất của mỗi người là: 28.767.000đ, là phù hợp.

[7] Phần di sản cụ N thừa kế cho ông V là 715 m^2. Và phần di sản ông V được thừa kế của cụ M, tổng cộng ông V được sử dụng 893m^2 (trong đó 125m^2 đất ở và 768m^2 đất trồng cây lâu năm), trị giá 144. 252.000đ.

[8] Bà lê ThịT đã cho ông Lê Viết K toàn bộ phần thừa kế của bàT (đơn đề nghị ngày 04/6/2020), ông K cũng chấp nhận phần thừa kế của bàT cho ông K, vì vậy, giao diện tích đất phần thừa kế của bàT được hưởng cho ông K là phù hợp.

[9] Do chia theo phần, diện tích đất của mỗi phần đủ để cấp GCNQSDĐ (178 m^2), tuy nhiên chiều tiếp giáp đường liên thôn của mỗi phần dưới 5m,(Ông V, ông K, Ông X, BàT mỗi người được chia 2,95m (theo QĐ số: 4463/2014/ QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa) về việc ban hành quy định định hạn mức giao đất ở diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở, hạn mức công nhận đất ở và hạn mức giao đất trống, đồi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thì cạnh có chiều dài tối thiểu là 5m đối với khu vực miền núi).Vì vậy giao cho ông Lê Viết K toàn bộ diện tích đất được chia của ông K, ông X và bàT cho ông K quản lý sử dụng với diện tích 534m^2,trị giá 86.301.000đ. Ông K có trách nhiệm trả tiền cho cho ông X số tiền là 28.767.000đ là phù hợp.

[10] Trên thửa đất 362, ông V đã xây nhà kiên cố trên phần đất giáp khe nước; Ông K, ông X, ông V đã thống nhất giao phần đất này cho ông V; Nghĩ giao phần đất giáp khe nước cho ông V quản lý, sử dụng; Phần đất giáp nhà ông K, chia và giao cho ông K quản lý, sử dụng là phù hợp.

[11] Tại phiên tòa, ông Lê Văn V, ông Lê Viết K thống nhất: Các công trình ông K và Ông V xây dựng trên thửa đất 362, các ông tự tháo dỡ, không yêu cầu tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của ông K, ông V, phù hợp với pháp luật nên hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với ngôi nhà của cụ Lê ThịN xây dựng năm 1997 không còn giá trị, nên không đưa vào để phân chia mà giao cho ông V tháo dỡ là phù hợp.

[13] Thửa đất có chiều dài giáp đường liên thôn là 23,67m, nên phần ông V được chia có chiều dài là 14,73m; Phần còn lại chia cho ông K có chiều dài là 8,94m (cụ thể: Ông K 2,51m, bàT 322, ông X 321m), là phù hợp.

[14] Về án phí:

- Ông Lê Văn V được cụ Lê Thị N cho toàn bộ diện tích đất của cụ N, nhưng không có ranh giới đất, không có các cạnh của diện tích đất được thừa kế đến đâu; Tại phiên tòa ông V đề nghị Tòa án giải quyết để phân chia cụ thể diện tích, ranh giới đấ. Do đó ông V phải chịu án phí đối với toàn bộ giá trị tài sản ông V được chia theo quy định của pháp luật là: 144.252.000đ x 5% = 7.212.600đ.

- Ông Lê viết K phải chịu án phí đối với phần giá trị tài sản ông K được chia và án phí đối với phần giá trị tài sản bàT được chia(Do bàT cho ông K phần giá trị tài sản bàT được chia) theo quy định của pháp luật là: 57.534.000đ x 5% = 2.876.700đ.

- Ông lê Viết X, phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật là 28.767.000đ x 5% = 1.438.350đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 624, 625, 626, 627, khoản 4 Điều 628, và các Điều 630,634 635, 649, 651, 660, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Luật HNGĐ 1959; Pháp lệnh Thừa kế 1990; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

1 - Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn V đối với di sản của cụ Lê ThịN để lại .

2 - Chấp nhận yêu cầu về chia di sản thừa kế của Lê Văn V, ông Lê viết K, ông Lê Viết X và bà Lê Thị T đối với di sản của cụ Lê Văn M để lại.

3- Xác nhận cụ M, cụN có thửa đất số 362, có diện tích 1427 m^2, phía Đông giáp đường thôn chiều dài là 23,67m, phía Tây giáp đất lâm nghiệp chiều dài là 27,86m, phía Nam giáp đất gia đình ông K chiều dài là 54,57m, phía Bắc giáp khe nước chiều dài là 53,85m.

4 - Công nhận sự thống nhất, thỏa thuận của ông Lê Viết K, ông Lê Viết X, ông Lê Văn V và bà Lê Thị T, cụ Lê ThịN để lại di sản thừa kế cho ông Lê Văn V diện tích đất là 715m^2 (Thuộc thửa đất số 362, tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính xãL, huyệnV tỉnh Thanh Hóa, trị giá: 115.485.000đ(Một trăm mười lăm triệu, bốn trăm tám lăm nghìn đồng).

5 - Công nhận cụ Lê Văn M để lại di sản thừa kế cho ông Lê Văn V, ông Lê Viết K, ông Lê viết X và bà Lê ThịT diện tích đất là tích 712 m^2 , trị giá 115.068.000đ(Một trăm mười lăm triệu không trăm sáu tám nghìn đồng).

Di sản của cụ Lê Văn M được chia như sau:

- Chia cho ông Lê Viết K quản lý sử dụng diện tích đất là 534m^2 (trong đó có 75m^2 đất ở và 459m^2 đất trồng cây lâu năm), trị giá 86.301.000đ(Tám mươi sáu triệu, ba trăm linh một nghìn đồng). Hướng Đông giáp đường liên thôn dài 8,85m, hướng Tây giáp phần đất lâm nghiệp dài 9,87m, phía Nam giáp đất gia đình ông K dài 54,56m, phía Bắc giáp phần đất được giao cho ông Lê Văn V dài 54,21m,(Có sơ đồ kèm theo).

Ông Lê Viết K phải trả cho ông Lê Viết X số tiền là 28.767.000đ (Hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Chia cho ông Lê Văn V 178m^2 đất (trong đó 25m^2 đất ở và 153m^2 đất trồng cây lâu năm), trị giá trị giá đất của mỗi người là: 28.767.000đ(Hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu bảy nghìnđồng).

Công nhận sự thống nhất, thỏa thuận của ông Lê Viết K, ông Lê Viết X, ông Lê Văn V và bà Lê Thị T: Cụ Lê Thị N để lại di sản thừa kế cho ông Lê Văn V diện tích đất là 715m^2 (Thuộc thửa đất số 362, tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính xãL, huyệnV tỉnh Thạnh Hóa, trị giá: 115.485.000đ(Một trăm mười lăm triệu, bốn trăm tám lăm nghìn đồng)

Tổng cộng ông V được quản lý sử dụng 893m^2 (trong đó 125m^2 đất ở và 768m^2 đất trồng cây lâu năm), trị giá 144. 252.000đ (Một trăm bốn bốn triệu hai trăm năm hai nghìn đồng).

- Chia cho ông V quản lý sử dụng tích đất 893m^2 (trong đó 125m^2 đất ở và 768m^2 đất trồng cây lâu năm), trị giá 144.252.000đ (Một trăm bốn bốn triệu, hai trăm năm hai nghìn đồng). Hướng Đông giáp đường thôn dài 14,82m, hướng Tây giáp phần đất lâm nghiệpdài 17,99m, phía Bắc giáp khe nước dài 53,85m, phía Nam giáp đất giao cho ông K dài 54,21m,(Có sơ đồ kèm theo).

Ranh giới đất được chia cho ông Lê Viết K và ông Lê Văn V được kéo thành một đường thẳng từ hướng Đông (Đường liên thôn) sang hướng Tây (Đất lâm nghiệp). Cạnh phía Đông, Lấy móng sau nhà ông K làm chuẩn(Cách móng nhà ông K 1,09m), kéo dài về phía đất được giao cho ông K dài 8,85m (Đo từ móng nhà ông K là 9,94m). Cạnh phía Tây, Lấy bờ rào nhà ông Lê Văn Hai làm chuẩn, kéo dài về phần đất giao cho ông K dài 9,87m. Phần đất còn lại phía nhà ông V giao cho ông V quản lý sử dụng toàn bộ(có sơ đồ kèm theo).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật ông Lê Văn V, ông Lê Viết K có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thu hồi GCNQSDĐ số: 1060/ QSDĐ/423/QĐ- CT ngày 12/5/2003 của chủ tịch UBND huyệnV và làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ theo quyết định của Tòa án nhân dân huyệnV, tỉnh Thanh Hóa.

- Về án phí:

- Ông Lê Văn V phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật là 7.212. 600đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.175.000đ theo biên lai số: A A/2017/0002440 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án huyệnV. Ông Lê Văn V còn phải nộp tiếp số tiền án phí chia di sản thừa kế là 5.037.600đ(Năm triệu không trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng).

- Ông Lê Viết K phải chịu án phí đối với phần giá trị tài sản ông K được chia và án phí đối với phần giá trị tài sản bàT được chia theo quy định của pháp luật là: 2.876.700đ (Hai triệu, tám trăm bảy sáu nghìn, bảy trăm đồng).

- Ông Lê Viết X phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật là 1.438.350đ(Một triệu, bốn trăm ba tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:
VKSND huyệnV;
VKSND tỉnh Thanh Hóa;
Các đương sự;
UBND xãVĩnhLong,h.VĩnhLộc;
Lưu hồ sơ vụ án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
	Bùi Văn Tuấn
Trịnh Văn Dũng	
Trịnh Khắc Hưng	

Nơi nhận:
VKSND huyệnV;
VKSND tỉnh Thanh Hóa;
Các đương sự;
UBND xãVĩnhLong,h.VĩnhLộc;
Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Trịnh Văn Dũng

Trịnh Khắc Hưng

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:
VKSND huyệnV;
VKSND tỉnh Thanh Hóa;
Các đương sự;
UBNDxVĩnhLong,h.VĩnhLộc;
Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Dung

Bùi Văn Tuấn

Trịnh Khắc Hưng

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyệnV;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Chi cục THADS huyệnV;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên toà

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Dung **Trịnh Văn Dũng**

Bùi Văn Tuấn

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyệnV;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Chi cục THADS huyệnV;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên toà

Bùi Văn Tuấn
Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Phạm Ngọc Dung **Trịnh Văn Dũng**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

in
Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyệnV - Thanh Hóa.
- Bà Phạm Thị Huyền
Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyệnV - Thanh Hóa.
- Bà Lê Thị Thương
Địa chỉ: Thôn Bèo, xã L, huyệnV - Thanh Hóa.
Nơi công tác: Ủy ban nhân dân, xã L, huyệnV - Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt ông Lê Văn V, ông Lê Viết K và ông Lê Viết X, vắng mặt người làm chứng là ông Lữ Trọng Hoàn, bà Lê Thị Thương và bà Phạm Thị Huyền.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn ông Lê Văn V trình bày: Bố mẹ ông V là cụ Lê Văn M và cụ Lê ThịN sinh được bốn người con là: Ông Lê Văn V, ông Lê Viết K, Lê Viết X và bà Lê ThịT. Khi còn sống cụ M, cụN tạo lập được một thửa đất với diện tích 1427m^2 từ trước năm 1980, năm 2003 được Nhà nước cấp GCNQSDĐ đứng tên chủ hộ là bà Lê ThịN, tại thôn P, xã L, huyệnV, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 28/3/1990 cụ Lê Văn M chết, không để lại di chúc. Ngày 31tháng 10 năm 2013 cụN đã viết di chúc với nội dung cho ông Lê Văn V toàn bộ diện tích đất là 1427m^2 mà cụ M, cụN tạo dựng được và toàn bộ nhà ở, công trình phụ cây lấy gỗ, cây ăn quả lâu năm. Đến ngày 04/8/2018 cụN chết. Để đảm bảo quyền lợi của mình, ông Lê Văn V đã làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên cụ Lê ThịN sang tên là Lê Văn V. Ông V đã làm thủ tục sang tên nhưng không

được ông Lê Viết K, ông Lê Viết X đồng ý. Nay ông Lê Văn V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được chia di sản của bố để lại là 1/2 diện tích đất tại thửa 362, tờ bản đồ số 9 và quyền được thừa kế toàn bộ 1/2 diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụN thừa kế cho ông Lê Văn V.

Tại bản tự khai, bị đơn là ông Lê Viết K và ông Lê Viết X, trình bày: Khi còn sống cụ M, cụN tạo lập được một thửa đất tại thôn P xã L như ông V trình bày. Ngày 28/3/1990 cụ M mất, khi cụ M mất không để lại di chúc. Ngày 04/8/2018 cụN mất. Ngày 02/8/2019 ông K, ông X mới biết trước khi chết cụN đã viết di chúc cho ông V toàn bộ nhà ở, công trình phụ, cây lấy gỗ, cây ăn quả lâu năm của bố, mẹ các ông để lại. Nay ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản của cụ M để lại là 1/2 diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ M và công nhận ông V được cụN cho toàn bộ tài sản của cụN là 1/2 diện tích đất của thửa đất 362, tờ bản đồ số 9 tại thôn P, xã L các ông cũng đồng ý.

Theo lời khai của người làm chứng trong di chúc của cụ Lê ThịN là ông Lữ Trọng Hoàn và bà Lê Thị Thương trình bày: Do cụN không biết chữ nên ngày 31/10/2013 cụN đã nhờ bà Phạm Thị Huyền viết hộ di chúc cho cụN, khi bà Huyền viết di chúc thể hiện ý chí của cụN có sự có mặt của ông Lữ Trọng Hoàn(Ông Hoàn lúc đó là trưởng thôn P) chứng kiến sự việc. Tại thời điểm cụN nhờ bà Huyền viết di chúc, cụN còn khỏe mạnh, tinh thần sáng suốt, M mẫn. Sau khi bà Huyền viết hộ di chúc cho cụN xong; CụN, ông Hoàn, bà Huyền đã đến Ủy ban nhân dân xã L, huyệnV để xác nhận vào bản di chúc. Tại phòng tư pháp UBND xã L, bà Lê Thị Thương (Cán bộ tư pháp xã) đã hỏi lại ý kiến cụN về việc cụ cho ông Lê Văn V nhà và đất đai; CụN đã trình bày, cụ cho ông V nhà, đất đai là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hoặc đe dọa. Sau khi thẩm định di chúc và hỏi đã trình ký và đóng dấu vào bản di chúc.

Theo biên bản hòa giải, các ông K, X, V đều thống nhất về thời điểm cụ M chết là ngày 28/3/1990, đồng thời thống nhất cụ M chết đã để lại khối di sản là 1/2 thửa đất số 362, tờ bản đồ số 9, số đất này sẽ chia cho 04 người con là ông K, ông X bàT và ông V. 1/2 thửa đất 362, tờ bản đồ số 9 còn lại thuộc quyền sử dụng của cụN, cụN đã thừa kế cho ông V, do đó ông V được toàn quyền quản lý sử dụng. Đối với quyền hưởng thừa kế của bà Lê ThịT,(theo giấy ủy quyền ngày 31/12/2019 và đơn đề nghị ngày 04/6/2020), bàT ủy quyền cho ông Lê viết K tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nhường toàn bộ quyền lợi về thừa kế của bàT cho ông K.

Trong quá trình giải quyết vụ án các ông K, ông V, ông X không thống nhất được giá trị thửa đất cũng như cách phân chia danh giới đất. Ông V đã làm đơn yêu cầu tòa án xác M, thẩm định và định giá thửa đất số 362 và nhà do ông V xây dựng năm 2015 trên thửa đất 362. Ngày 06/5/2020, Hội đồng định giá tiến hành định giá thửa đất 362 và các tài sản do ông V xây dựng trên đất. Tại buổi định giá ông V, ông K yêu cầu định giá thêm các tài sản trên thửa đất 362 gồm:

Yêu cầu định giá bổ sung của ông V gồm: Tường rào bao quanh nhà ông V; Chuồng trại; Nhà bếp; Sân bê tông phía cổng; Sân bê tông trước nhà bàN và ngôi nhà cấp 4, có 02 gian, do cụN xây dựng năm 1997;

Yêu cầu định giá bổ sung của ông K:Tường rào xây ngăn cách phần đất nhà ông K và đất nhà cụN.

Hội đồng định giá tài sản đã định giá như sau:

- thửa đất số số 362, tờ bản đồ số bản đồ địa chính xã L, huyệnV tại thôn P xã L xác định có diện tích là 1427 m^2) trị giá là:

- Đất ở 200 m^2 x đơn giá 300.000.000đ /1 m^2 = 60.000.000đ;

- Đất trồng cây lâu năm là: 1227 m^2 x đơn giá 139.000.000đ/1m^2 = 170.553.000đ.

Tổng giá trị thửa đất là: 230.553.000đ (Hai trăm ba mươi triệu, năm trăm năm ba nghìn đồng).

- 01 nhà cấp 4, mái lợp tôn, móng bê tông cốt thép có diện tích xây dựng 100$m^{2,}$ có bán bình phía trước và sau nhà, (Nhà do ông V xây dựng năm 2015), trị giá 168.151.000đ .

Các tài sản phát sinh do ông V xây dựng trị giá là:

- Tường rào bao quanh nhà ông V trị giá 3.684.000đ;

+Chuồng trại trị giá 12.170.000đ;

+ Nhà bếp trị giá 8.525.000đ;

+ Sân bê tông phía cổng trị giá 3.348.000đ;

+ Sân bê tông trước nhà bàN trị giá 2.790.000đ;

Sau khi trừ khấu hao các tài sản trên còn giá trị là 5.366.000đ.

- Nhà cụN xây năm 1997 qua khấu hao: không còn gía trị.

Tài sản phát sinh ông K yêu cầu định giá (Do ông K xây dựng).

Tường rào xây ngăn cách phần đất nhà ông K và đất nhà cụN trị giá 4.566.000đ.

Tại phiên tòa ông lê Văn V yêu cầu:

- Năm 2013 mẹ ông V là cụ Lê ThịN đã viết di chúc cho ông toàn bộ thửa đất 362, tờ bản đồ số 9 là chưa đúng, vì cụN chỉ quyền sử dụng có ½ diện tích thửa đất, nay ông V đề nghị Tòa án chia cho ông V ½ diện tích thửa đất và phân chia cụ thể ranh giới đất.

- Phần di sản của cụ Lê Văn M để lại chia cho ông V ¼ diện tích.

Tại phiên tòa ông V, ông K, ông X thống nhất:

Thửa đất 362, tờ bản đồ số 9 với diện tích đất là 1427m^2 được chia thành hai phần (Một phần giao cho ông V với diện tích 715 m^2 , phần đất này giáp với phía khe nước; Phần còn lại có diện tích 712m^2 , phần đất này giáp phần đất gia đình ông K, được chia đều cho 4 người con, mỗi người quản lý sử dụng diện tích178m^2 .

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 96, 97,98, 101 và Điều 104 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71,72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Cho ông V được quyền thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất phần của cụN để lại là ½ diện tích thửa đất 362 và các tài sản trên đất.

- Đối với ½ diên tích đất do cụ M để lại, không có di chúc, xác định ông M có vợ là bà Lê ThịN chết năm 2018, không có con riêng, có 4 người con chung là ông K, bàT, ông X và ông V, là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên được hưởng quyền thừa kế ngang nhau. Vì vậy di sản thừa kế sẽ là ½ diện tích đất thửa

362, tờ bản đồ số 9, theo thỏa thuận của ông V, ông X, ông K, diện tích là 712m^2 được chia cho 4 người con.

+ Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản mà họ được chia theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê văn V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền được hưởng di sản thừa kế của mẹ là cụ Lê ThịN cho ông V theo di chúc và chia di sản của bố là cụ lê Văn M để lại sau khi mất là ½ thửa đất 362 tại thôn P, huyệnV. Diện thừa kế di sản của cụ M gồm các ông Lê Viết Khang, ông Lê Viết X, bà Lê ThịT và ông Lê Văn V, thửa đất địa chỉ tại huyệnV và các ông Lê Viết K, Lê Viết X đang cư trú tại huyệnV, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyệnV, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 5 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi khởi kiện: Theo giấy chứng tử của UBND xã L cấp, cụ Lê Văn M mất ngày 28/3/1990; Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b mục 10 Nghị Quyết 01/1990/HĐTP ngày19/10/1990 thời hiệu khởi kiện tranh chấp thừa kế là 30 năm tính từ ngày 10/9/1990, nên việc các đương sự yêu cầu chia thừa kế là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Xét về nguồn gốc đất: Vợ chồng cụ Lê Văn M và cụ Lê ThịN tạo dựng được một thửa đất tại thôn P xã L với diện tích 1427m^2, diện tích đất trên không có tranh chấp, đã được cấp GCNQSDĐ, như vậy đây là diện tích đất hợp pháp thuộc quyền sử dụng của cụ M và cụN.

[4] Về di sản thừa kế: Ngày 28/3/1990 cụ M chết không để lại di chúc, di sản của cụ M để lại là ½ thửa đất 362,Tại thời điểm mở thừa kế (Ngày cụ M mất), số đất này được chia thừa kế theo pháp luật là 5 phần gồm: CụN và 4 người con. Khi còn sống, ngày 31tháng 10 năm 2013 cụN đã nhờ người viết di chúc, di chúc có 02 người làm chứng và đã được chính quyền địa phương chứng nhận. Như vậy về hình thức di chúc là đúng quy định của pháp luật. Nội dung di chúc là cho ông Lê Văn V toàn bộ thửa đất số 362 mà cụ M, cụN tạo dựng và toàn bộ nhà ở, công trình phụ, cây lấy gỗ, cây ăn quả lâu năm khi chưa có ý kiến của các con(Ông K, ông X đều thừa nhận là không được cụN hỏi ý kiến) là không đúng với quy định của pháp luật, bởi lẽ cụN chỉ có quyền sử dụng đối với ½ diện tích thửa đất số 362 và một phần diện tích đất trong khối di sản là đất đai do cụ M để lại. Như vậy di chúc cụN lập ngày 31/10/2013 chỉ có hiệu lực một phần và bị vô hiệu một phần. Đến nay các con của cụ M, cụN là ông K, ông X và ông V thống nhất không yêu cầu chỉnh sửa GCNQSĐ số:1060/QSDĐ/423/QĐ- CT ngày 12/5/2003 của chủ tịch UBND huyệnV, mà thống nhất, thỏa thuận giao cho ông V diện tích đất là 715 m^2 của thửa đất số 362 theo di chúc của cụN; Số diện tích đất còn lại là 712 m^2 là di sản của cụ Lê Văn M để lại được chia đều cho bốn người con. Đây là sự thống nhất, thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu chia di sản của ông Lê Văn V, ông Lê Viết K, ông Lê Viết X và bà Lê ThịT thấy: Do xác định di sản cụ M để lại sau khi mất là ½ thửa đất số 362, tài sản này chưa chia cho ai. Nay cụN đã chết; Ông Lê Văn V, ông Lê Viết K,

ông Lê Viết X thống nhất chia di sản này cho bốn người con của cụ M là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Từ sự thống nhất thỏa thuận của ông Lê Văn V, ông Lê Viết K, ông Lê Viết X. Di sản của cụ M để lại được phân chia như sau:

Chia cho ông Lê Viết K, ông Lê Viết X, bà Lê ThịT và ông Lê Văn V mỗi người 178m^2 đất (trong đó 25m^2 đất ở và 153m^2 đất trồng cây lâu năm), trị giá trị giá đất của mỗi người là: 28.767.000đ, là phù hợp.

[7] Phần di sản cụN thừa kế cho ông V là 715 m^2. Và phần di sản ông V được thừa kế của cụ M, tổng cộng ông V được sử dụng 893m^2 (trong đó 125m^2 đất ở và 768m^2 đất trồng cây lâu năm), trị giá 144. 252.000đ.

[8] Bà lê ThịT đã cho ông Lê Viết K toàn bộ phần thừa kế của bàT (đơn đề nghị ngày 04/6/2020), ông K cũng chấp nhận phần thừa kế của bàT cho ông K, vì vậy, giao diện tích đất phần thừa kế của bàT được hưởng cho ông K là phù hợp.

[9] Do chia theo phần, diện tích đất của mỗi phần đủ để cấp GCNQSDĐ (178 m^2), tuy nhiên chiều tiếp giáp đường liên thôn của mỗi phần dưới 5m,(Ông V, ông K, Ông X, BàT mỗi người được chia 2,95m (theo QĐ số: 4463/2014/ QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa) về việc ban hành quy định định hạn mức giao đất ở diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở, hạn mức công nhận đất ở và hạn mức giao đất trống, đồi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thì cạnh có chiều dài tối thiểu là 5m đối với khu vực miền núi).Vì vậy giao cho ông Lê Viết K toàn bộ diện tích đất được chia của ông K, ông X và bàT cho ông K quản lý sử dụng với diện tích 534m^2,trị giá 86.301.000đ. Ông K có trách nhiệm trả tiền cho cho ông X số tiền là 28.767.000đ là phù hợp.

[10] Trên thửa đất 362, ông V đã xây nhà kiên cố trên phần đất giáp khe nước; Ông K, ông X, ông V đã thống nhất giao phần đất này cho ông V; Nghĩ giao phần đất giáp khe nước cho ông V quản lý, sử dụng; Phần đất giáp nhà ông K, chia và giao cho ông K quản lý, sử dụng là phù hợp.

[11] Tại phiên tòa, ông Lê Văn V, ông Lê Viết K thống nhất: Các công trình ông K và Ông V xây dựng trên thửa đất 362, các ông tự tháo dỡ, không yêu cầu tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của ông K, ông V, phù hợp với pháp luật nên hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với ngôi nhà của cụ Lê ThịN xây dựng năm 1997 không còn giá trị, nên không đưa vào để phân chia mà giao cho ông V tháo dỡ là phù hợp.

[13] Thửa đất có chiều dài giáp đường liên thôn là 23,67m, nên phần ông V được chia có chiều dài là 14,73m; Phần còn lại chia cho ông K có chiều dài là 8,94m (cụ thể: Ông K 2,51m, bàT 322, ông X 321m), là phù hợp.

[14] Về án phí:

- Ông Lê Văn V được cụ Lê ThịN cho toàn bộ diện tích đất của cụN, nhưng không có ranh giới đất, không có các cạnh của diện tích đất được thừa kế đến đâu; Tại phiên tòa ông V đề nghị Tòa án giải quyết để phân chia cụ thể diện tích, ranh giới đấ. Do đó ông V phải chịu án phí đối với toàn bộ giá trị tài sản ông V được chia theo quy định của pháp luật là: 144.252.000đ x 5% = 7.212.600đ.

- Ông Lê viết K phải chịu án phí đối với phần giá trị tài sản ông K được chia và án phí đối với phần giá trị tài sản bàT được chia(Do bàT cho ông K phần giá trị

tài sản bàT được chia) theo quy định của pháp luật là: 57.534.000đ x 5% = 2.876.700đ.

- Ông lê Viết X, phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật là 28.767.000đ x 5% = 1.438.350đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 624, 625, 626, 627, khoản 4 Điều 628, và các Điều 630,634 635, 649, 651, 660, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Luật HNGĐ 1959; Pháp lệnh Thừa kế 1990; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

1 - Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn V đối với di sản của cụ Lê ThịN để lại .

2 - Chấp nhận yêu cầu về chia di sản thừa kế của Lê Văn V, ông Lê viết K, ông Lê Viết X và bà Lê ThịT đối với di sản của cụ Lê Văn M để lại.

3- Xác nhận cụ M, cụN có thửa đất số 362, có diện tích 1427 m^2, phía Đông giáp đường thôn chiều dài là 23,67m, phía Tây giáp đất lâm nghiệp chiều dài là 27,86m, phía Nam giáp đất gia đình ông K chiều dài là 54,57m, phía Bắc giáp khe nước chiều dài là 53,85m.

4 - Công nhận sự thống nhất, thỏa thuận của ông Lê Viết K, ông Lê Viết X, ông Lê Văn V và bà Lê ThịT, cụ Lê ThịN để lại di sản thừa kế cho ông Lê Văn V diện tích đất là 715m^2 (Thuộc thửa đất số 362, tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính xã L, huyệnV tỉnh Thanh Hóa, trị giá: 115.485.000đ(Một trăm mười lăm triệu, bốn trăm tám lăm nghìn đồng).

5 - Công nhận cụ Lê Văn M để lại di sản thừa kế cho ông Lê Văn V, ông Lê Viết K, ông Lê viết X và bà Lê ThịT diện tích đất là tích 712 m^2 , trị giá 115.068.000đ(Một trăm mười lăm triệu không trăm sáu tám nghìn đồng).

Di sản của cụ Lê Văn M được chia như sau:

- Chia cho ông Lê Viết K quản lý sử dụng diện tích đất là 534m^2 (trong đó có 75m^2 đất ở và 459m^2 đất trồng cây lâu năm), trị giá 86.301.000đ(Tám mươi sáu triệu, ba trăm linh một nghìn đồng). Hướng Đông giáp đường liên thôn dài 8,85m, hướng Tây giáp phần đất lâm nghiệp dài 9,87m, phía Nam giáp đất gia đình ông K dài 54,56m, phía Bắc giáp phần đất được giao cho ông Lê Văn V dài 54,21m,(Có sơ đồ kèm theo).

Ông Lê Viết K phải trả cho ông Lê Viết X số tiền là 28.767.000đ (Hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Chia cho ông Lê Văn V 178m^2 đất (trong đó 25m^2 đất ở và 153m^2 đất trồng cây lâu năm), trị giá trị giá đất của mỗi người là: 28.767.000đ(Hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu bảy nghìnđồng).

Công nhận sự thống nhất, thỏa thuận của ông Lê Viết K, ông Lê Viết X, ông Lê Văn V và bà Lê ThịT: Cụ Lê ThịN để lại di sản thừa kế cho ông Lê Văn V diện tích đất là 715m^2 (Thuộc thửa đất số 362, tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính xã L, huyệnV tỉnh Thanh Hóa, trị giá: 115.485.000đ(Một trăm mười lăm triệu, bốn trăm tám lăm nghìn đồng)

Tổng cộng ông V được quản lý sử dụng 893m^2 (trong đó 125m^2 đất ở và 768m^2 đất trồng cây lâu năm), trị giá 144. 252.000đ (Một trăm bốn bốn triệu hai trăm năm hai nghìn đồng).

- Chia cho ông V quản lý sử dụng tích đất 893m^2 (trong đó 125m^2 đất ở và 768m^2 đất trồng cây lâu năm), trị giá 144.252.000đ (Một trăm bốn bốn triệu, hai trăm năm hai nghìn đồng). Hướng Đông giáp đường thôn dài 14,82m, hướng Tây giáp phần đất lâm nghiệpdài 17,99m, phía Bắc giáp khe nước dài 53,85m, phía Nam giáp đất giao cho ông K dài 54,21m,(Có sơ đồ kèm theo).

Ranh giới đất được chia cho ông Lê Viết K và ông Lê Văn V được kéo thành một đường thẳng từ hướng Đông (Đường liên thôn) sang hướng Tây (Đất lâm nghiệp). Cạnh phía Đông, Lấy móng sau nhà ông K làm chuẩn(Cách móng nhà ông K 1,09m), kéo dài về phía đất được giao cho ông K dài 8,85m (Đo từ móng nhà ông K là 9,94m). Cạnh phía Tây, Lấy bờ rào nhà ông Lê Văn Hai làm chuẩn, kéo dài về phần đất giao cho ông K dài 9,87m. Phần đất còn lại phía nhà ông V giao cho ông V quản lý sử dụng toàn bộ(có sơ đồ kèm theo).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật ông Lê Văn V, ông Lê Viết K có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thu hồi GCNQSDĐ số: 1060/ QSDĐ/423/QĐ- CT ngày 12/5/2003 của chủ tịch UBND huyệnV và làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ theo quyết định của Tòa án nhân dân huyệnV, tỉnh Thanh Hóa.

- Về án phí:

- Ông Lê Văn V phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật là 7.212. 600đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.175.000đ theo biên lai số: A A/2017/0002440 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án huyệnV. Ông Lê Văn V còn phải nộp tiếp số tiền án phí chia di sản thừa kế là 5.037.600đ(Năm triệu không trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng).

- Ông Lê Viết K phải chịu án phí đối với phần giá trị tài sản ông K được chia và án phí đối với phần giá trị tài sản bàT được chia theo quy định của pháp luật là: 2.876.700đ (Hai triệu, tám trăm bảy sáu nghìn, bảy trăm đồng).

- Ông Lê Viết X phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật là 1.438.350đ(Một triệu, bốn trăm ba tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
VKSND huyện V;
VKSND tỉnh Thanh Hóa;
Các đương sự;
UBND xãVĩnhLong,h.VĩnhLộc;
Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trịnh Văn Dũng	Bùi Văn Tuấn
Trịnh Khắc Hưng	

Nơi nhận:
VKSND huyện V;
VKSND tỉnh Thanh Hóa;
Các đương sự;
UBND xãVĩnhLong,h.VĩnhLộc;
Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trịnh Văn Dũng	**Bùi Văn Tuấn**
Trịnh Khắc Hưng	

Nơi nhận:
VKSND huyện V;
VKSND tỉnh Thanh Hóa;
Các đương sự;
UBNDxVĩnhLong,h.VĩnhLộc;
Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyệnV;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên toà

- Chi cục THADS huyệnV;
- Lưu hồ sơ vụ án. **Bùi Văn Tuấn**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Dung Trịnh Văn Dũng **Bùi Văn Tuấn**

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyệnV;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyệnV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên toà

Bùi Văn Tuấn
Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA